

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: **764** /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày **12** tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018 cho Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ, về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BYT ngày 05/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh, về thẩm quyền trong đấu thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách Nhà nước nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan Nhà nước, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Theo Báo cáo thẩm định số 129/BC-SYT ngày 09/4/2018 của Sở Y tế, về đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018 cho Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh tại Tờ trình số 27/TTr-BBVSX ngày 03/4/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Mua thuốc thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018 cho Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh (chi tiết tại các Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện mua thuốc thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018 theo đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và các

quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời, chịu trách nhiệm về giá, tiêu chí kỹ thuật và danh mục mua sắm thuốc tại Điều 1 Quyết định này.

Giao Sở Y tế có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, giám sát Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh tổ chức thực hiện mua thuốc thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018 theo đúng tiến độ và quy định pháp luật hiện hành; đảm bảo cung ứng thuốc kịp thời phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu tại các Phụ lục kèm theo Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh; Trưởng Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KT. (Y_12)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



H' Yim Kdoh

**Phụ lục 1: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án:
Mua thuốc thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018
cho Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh**

(Kèm theo Quyết định số 764 /QĐ-UBND ngày 12 / 4 /2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

[illegible]

PHỤ LỤC 2: GÓI THẦU THUỐC BIỆT ĐƯỢC GỐC HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG ĐIỀU TRỊ
Dự án: Mua thuốc thuộc danh mục cấp cơ sở năm 2018 cho Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 764 /QĐ-UBND ngày 12 /4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế/ Đường dùng	SĐK/ GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Berodual	Fenoterol + ipratropium	BD	0,02mg/nhất xịt + 0,05mg/nhất xịt	Dung dịch khí dung, Xịt mũi	VN-17269-13	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	Bình	70	132.323	9.262.610
2	Tanatril 10mg	Imidapril hydrochloride	BD	10mg	Viên nén, Uống	VN-13230-11	P.T. Tanabe Indonesia	Indonesia	Viên	4000	6.048	24.192.000
3	NovoMix 30 Flexpen 100U/ ml x 3ml	Insulin aspart	BD	100IU x 3ml	Hỗn dịch tiêm, Tiêm	QLSP-0793-14	Novo Nordisk A/S	Đan Mạch	Bút tiêm	330	227.850	75.190.500
4	Micardis	Telmisartan	BD	40mg	Viên nén, Uống	VN-18820-15	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	Viên	23000	10.349	238.027.000
Tổng cộng: 04 khoản												346.672.110
Làm tròn												346.672.100

PHỤ LỤC 3: GÓI THẦU THUỐC GENERIC

Dự án: Mua thuốc thuộc danh mục cấp cơ sở năm 2018 cho Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh

(Kèm theo Quyết định số **764** /QĐ-UBND ngày **12** /4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế/ Đường dùng	SĐK hoặc số GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
1	Gikanin	Acetyl leucin	3	500mg	Viên nén, Uống	VD-22909-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	326	2000	652.000
2	Aspirin 81	Acetylsalicylic acid	3	81mg	Viên nén bao phim tan trong ruột, Uống	VD-24306-16	CN CTCP DP TW Vidiapha tại Bình Dương	Việt Nam	Viên	105	23600	2.478.000
3	Xatral XL 10mg	Alfuzosin HCl	1	10mg	Viên nén phóng thích chậm, Uống	VN-14355-11	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Viên	15.291	3000	45.873.000
4	Alsiful S.R. Tablets 10mg	Alfuzosin	2	10mg	Viên nén phóng thích chậm, Uống	VN-13877-11	Standard Chem & Pharm Co., Ltd.; 2nd plant	Taiwan	Viên	7.500	8000	60.000.000
5	MEZAPULGIT	Attapulgit hoạt hóa + magnesi carbonat + nhôm hydroxid	3	2,5g + 0,3g + 0,2g	Bột pha hỗn dịch. Uống	VD-19362-13	Cty CP Dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Gói	1.176	1000	1.176.000
6	Betaserc 16mg	Betahistine dihydrochloride	1	16mg	Viên, Uống	VN-17206-13	Mylan Laboratoires SAS.	Pháp	Viên	1.986	1200	2.383.200
7	Concor Cor Tab 2.5mg 3x10's	Bisoprolol fumarate (Phenoxy-amino-propanols)	1	2,5mg	Viên nén bao phim, Uống	VN-18023-14	Merck KGaA; đóng gói bởi Merck KGaA & Co., Werk Spittal	Đức, đóng gói Áo	Viên	2.878	1500	4.317.000
8	Ideos	Calcium (tương đương Calcium carbonate 1250mg) 500mg, Cholecalciferol (Vitamin D3) 400mg	1	500mg +400IU	Viên nhai. Nhai	VN-19910-16	Innothera Chouzy	Pháp	Viên	3400	5000	17.000.000
9	CaldiHasan	Calci carbonat + vitamin D3	3	1250 mg; 125 IU	Viên nén, Uống	VD-20539-14	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	800	15000	12.000.000
10	Meditrol	Calcitriol	2	0,25 mcg	Viên nang mềm, Uống	VN-18020-14	Mega Lifesciences Public Company Ltd.	Thailand	Viên	2.600	1500	3.900.000
11	PLAVIX 75mg	Clopidogrel	1	75mg	Viên nén bao phim, Uống	VN-16229-13	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Viên	20.828	500	10.414.000

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế/ Đường dùng	SĐK hoặc số GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
12	Clopistad	Clopidogrel	4	75mg	Viên nén bao phim, Uống	VD-23964-15	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam	Việt Nam	Viên	3300	17000	56.100.000
13	Colchicine ARTH 1mg	Colchicin	3	1mg	Viên nén, Uống	VD-24087-16	CTCP Dược Đồng Nai	Việt Nam	Viên	289	2000	578.000
14	Minirin	Desmopressin	1	100mcg (0,1mg)	Viên nén, Uống	VN-18893-15	Ferring Pharmaceuticals Ltd	Thụy Sĩ	Viên	22.133	500	11.066.500
15	Phlebodia	Diosmin 600mg	1	600mg	Viên nén bao phim, Uống	VN-18867-15	Innothera Chouzy	France	Viên	6.816	4800	32.716.800
16	Daflon (L) Tab 500mg 60's	Diosmin + hesperidin	1	450mg + 50mg	Viên nén bao phim, Uống	VN-15519-12	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	3.258	2000	6.516.000
17	Dilodin DHG	Diosmin + hesperidin	3	450mg + 50mg	Viên nén bao phim, Uống	VD-22030-14	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Viên	720	8000	5.760.000
18	Drotusc Forte	Drotaverin clohydrat	3	80mg	Viên nén, Uống	VD-24789-16	Công ty CPDP Me Di Sun/VN	Việt Nam	Viên	945	1400	1.323.000
19	Savi Eperisone 50	Eperison	2	50mg	Viên nén bao phim, Uống	VD-21351-14	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	Viên	1.100	3800	4.180.000
20	Colestrim Supra	Fenofibrate (Dưới dạng fenofibrat nanonized)	1	145mg	Viên nén, Uống	VN - 18373-14	Ethypharm	Pháp	Viên	9.790	600	5.874.000
21	Hafenthyl 145mg	Fenofibrat	3	145 mg	Viên nén bao phim, Uống	VD-25971-16	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	3160	5000	15.800.000
22	Flusort	Fluticasone propionate	5	50mcg/ liều	Bình xịt mũi 120 liều. Dùng ngoài	VN-18900-15	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	India	Bình	128900	60	7.734.000
23	GabaHasan 300	Gabapentin	4	300mg	Viên nang cứng, Uống	VD-22004-14	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	2.793	1400	3.910.200

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế/ Đường dùng	SĐK hoặc số GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
24	I.P.Cyl Forte	Gabapentin	1	300mg	Viên nang cứng, Uống	VN-17342-13	Atlantic Pharma - Producoes Farmaceuticas S.A (Cơ sở xuất xưởng : West Pharma - Producoes de Especialidades Farmaceuticas, S.A (Fab. Venda Nova)	Bồ Đào Nha	Viên	2.800	2000	5.600.000
25	VORIFEND FORTE	Glucosamin	2	500mg	Viên nén bao phim, Uống	VD-27535-17	Công ty liên doanh TNHH Stada Việt Nam	Việt Nam	Viên	1.396	36700	51.233.200
26	Nitralmyl 2,6mg	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	3	2,6mg	Viên nang, Uống	VD-7514-09	Công ty CPDP Hà Tây (Hataphar)	Việt Nam	Viên	1.306	10000	13.060.000
27	Cebrex	Ginkgo biloba	1	40mg	Viên nén bao phim, Uống	VN-14051-11	Dr. Willmar Schwabe GmbH & Co. KG	Germany	Viên	3234	3000	9.702.000
28	Insunova 30/70 (biphasic)	Insulin trộn, hỗn hợp (Mixtard-acting, Dual-acting)	2	100UI/ml, 10ml	Hỗn dịch tiêm, tiêm	QLSP-847-15	Biocon Limited	India	Lọ	111.000	200	22.200.000
29	Mixtard® 30 FlexPen® 100 IU/ml x 3ml	Insulin trộn, hỗn hợp (Mixtard-acting, Dual-acting)	1	300UI/3ml, ống 3ml	Hỗn dịch tiêm, tiêm	QLSP-927-16	Novo Nordisk A/S	Đan Mạch	Bút tiêm	149.999	150	22.499.850
30	Labavie	Lactobacillus acidophilus + Bacillus clausii	3	0,7mg + 2,6mg (tương đương 10 ⁸ CFU + 10 ⁸ CFU)	Thuốc bột, Uống	VD-19195-13	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	Gói	1932	3500	6.762.000
31	Metformin Denk 500	Metformin	1	500 mg	Viên nén, Uống	VN-6640-08	Denk Pharma GmbH & Co. Kg	Germany	Viên	620	47000	29.140.000
32	Panfor SR-500	Metformin	2	500 mg	Viên nén phóng thích chậm, Uống	VN-20018-16	Inventia Healthcare Pvt. Ltd.	India	Viên	1197	30000	35.910.000
33	Metformin Stada 850mg	Metformin	1	850mg	Viên nén bao phim, Uống	VD-26565-17	Công ty TNHH LD Stada-Việt nam	Việt Nam	Viên	650	9000	5.850.000
34	Panfor SR-1000	Metformin	4	1000mg	Viên nén phóng thích chậm, Uống	VN-20187-16	Inventia Healthcare Pvt. Ltd	India	Viên	2.000	9000	18.000.000
35	Perglim M -2	Glimepirid + Metformin	4	2mg + 500mg	Viên nén phóng thích chậm, Uống	VN-10408-10; VN-20807-17	Inventia Healthcare Pvt.Ltd	India	Viên	3000	20000	60.000.000

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế/ Đường dùng	SĐK hoặc số GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
36	CoMiaryl 2mg/500mg	Glimepirid + Metformin	3	2mg + 500mg	Viên nén dài bao phim, Uống	VD-12002-10	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	2457	7700	18.918.900
37	Tyrozet Forte 850/5	Metformin + glibenclamid	3	850mg+5mg	Viên nén dài bao phim, Uống	VD-14377-11	CTCP Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	Viên	1.680	10000	16.800.000
38	Tearbalance Ophthalmic solution 0.1%	Natri hyaluronat	1	1mg/ml x5ml	Dung dịch nhỏ mắt, nhỏ mắt	VN-18776-15	Senju Pharmaceutical Co., Ltd	Japan	Lọ	58800	100	5.880.000
39	Stacetam 800mg	Piracetam	4	800mg	Viên nén bao phim, Uống	VD-22231-15	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2	Việt Nam	Viên	2450	23000	56.350.000
40	PMS-Pregabalin	Pregabalin	1	75mg	Viên nang cứng, Uống	VN-18574-14	Pharmascience Inc	Canada	Viên	15.750	3000	47.250.000
41	Combivent 2,5mg+0,5mg x 2,5ml	Salbutamol + ipratropium	1	(2,5mg+0,5mg)/ 2,5ml	Khí dung	VN-19797-16	Laboratoire Unither - Pháp	Pháp	Ống	16.074	3000	48.222.000
42	Liverton 140	Silymarin	3	140mg	Viên nang cứng, Uống	VD-15890-11	CT cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	1430	4800	6.864.000
43	Sucrate gel	Sucralfat	1	1g/5ml	Hỗn dịch uống, Uống	VN-13767-11	Laboratorio Italiano Biochimico Farmaceutico Lisapharma S.p.A	Italy	Gói	7.900	5000	39.500.000
44	Telzid 40/12.5	Telmisartan/ Hydrochlorothiazid	3	40/12,5mg	Viên nén, Uống	VD-23592-15	Công ty CPDP Me Di Sun	Việt Nam	Viên	2.394	12800	30.643.200
45	Telzid 80/12.5	Telmisartan/ Hydrochlorothiazid	3	80/12,5mg	Viên nén, Uống	VD-23593-15	Công ty CPDP Me Di Sun	Việt Nam	Viên	3.940	4300	16.942.000
46	Trimpol MR	Trimetazidine dihydrochloride	1	35mg	Viên giải phóng chậm, Uống	VN-19729-16	Polfarmex S.A	Poland	Viên	2.599	1800	4.678.200
47	VasHasan MR	Trimetazidin	3	35mg	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài, Uống	VD-23333-15	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	442	42500	18.785.000
48	Enpovid A, D	Vitamin A + D	3	5.000UI + 400UI	Viên nang mềm, Uống	VD-21729-14	Công ty cổ phần SPM	Việt Nam	Viên	180	15000	2.700.000

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế/ Đường dùng	SĐK hoặc số GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
49	SETBLOOD	Vitamin B1 + B6 + B12	3	115mg + 100mg + 50mcg	Viên, Uống	VD-18955-13	Cty CP Dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	1.000	10000	10.000.000
50	USAMAGSIUM FORT	Vitamin B6 + magnesi (lactat)	3	10mg + 470mg	Viên nén bao, Uống	VD-20663-14	Công ty CPDP Ampharco U.S.A	Việt Nam	Viên	950	24700	23.465.000
51	Vitamin C Stada 1g	Vitamin C	2	1000mg	Viên nén sủi bọt, Uống	VD-25486-16	Liên doanh Stada - VN	Việt Nam	Viên	1.800	1000	1.800.000
52	Venrutine	Vitamin C + Rutin	3	100mg + 500mg	Viên nén bao phim, Uống	VD-19807-13	Công ty cổ phần BV Pharma	Việt Nam	Viên	2.500	1000	2.500.000
Tổng cộng: 52 khoản												943.007.050
Làm tròn												943.007.000

PHỤ LỤC 4: GÓI THẦU THUỐC CỔ TRUYỀN, THUỐC TỪ DƯỢC LIỆU

Dự án: Mua thuốc thuộc danh mục cấp cơ sở năm 2018 cho Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 764 /QĐ-UBND ngày 12 /4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên thuốc	Thành phần thuốc	Nhóm	Nồng độ/ Hàm lượng	Dạng bào chế/ Đường dùng	SĐK hoặc số GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
I NHÓM THUỐC THANH NHIỆT, GIẢI ĐỘC												
1	Bồ gan P/H	Diệp hạ châu, Bồ bồ, Chi tử.	1	1,25g + 1,00g + 0,25g	Uống, viên nén bao đường	VD-24998-16	Phúc Hưng	Việt Nam	Viên	510	120.000	61.200.000
2	Atiliver Diệp hạ châu	Diệp hạ châu/Diệp hạ châu đắng, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, Cỏ mực.	1	800mg + 200mg + 200mg + 200mg	Uống, Viên nang cứng	VD-22167-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khang Minh	Việt Nam	Viên	1.946	28.000	54.488.000
3	Bài Thạch	Kim tiền thảo, Chi thực, Nhân Trần, Hậu phác, Hoàng cầm, Bạch mao căn, Nghệ, Bình lang, Mộc hương, Đại Hoàng	1	1000mg, 250mg, 150mg, 250mg, 100mg, 100mg, 100mg, 500mg, 100mg, 50mg	Uống, viên bao phim	VD-19811-13	Công ty CP dược Danapha	Việt Nam	Viên	1.259	65.000	81.835.000
4	Kim tiền thảo	Kim tiền thảo, Râu mèo	1	2400mg + 1000mg	Uống, Viên nang cứng	VD-21859-14	Công ty cổ phần dược phẩm Khang Minh	Việt Nam	Viên	1.450	22.000	31.900.000
II NHÓM THUỐC KHU PHONG TRỪ THẤP												
5	Revmaton	Tế tân, Tăng ký sinh, Độc hoạt, Phòng phong, Bạch thược, Đỗ trọng, Bạch linh, Tần giao, Xuyên khung, Ngưu tất, Đương qui, Thục địa, Đảng sâm, Cam thảo, Bột Quế	1	160mg, 320mg, 240mg, 240mg, 320mg, 320mg, 240mg, 240mg, 320mg, 320mg, 320mg, 320mg, 320mg, 80mg, 80mg	Uống, viên bao phim	VD-20151-13	Công ty CP dược Danapha	Việt Nam	Viên	2.078	2.000	4.156.000
III NHÓM THUỐC NHUẬN TRĂNG, TẢ HẠ, TIÊU THỰC, BÌNH VỊ, KIỆN TÌ												
6	Đại tràng hoàn P/H	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng Đăng, Hoài sơn/Sơn Dược, Trần bì, Hoàng liên, Bạch linh, Sa nhân, Bạch thược, Cam thảo, Đảng sâm.	1	0,65g + 0,35g + 0,4g + 0,42g + 0,25g + 0,54g + 0,35g + 0,35g + 0,35g + 0,04g + 0,22g	Uống; viên Hoàn cứng	VD-25946-16	Phúc Hưng	Việt Nam	Gói	3.650	1.500	5.475.000

TT	Tên thuốc	Thành phần thuốc	Nhóm	Nồng độ/ Hàm lượng	Dạng bào chế/ Đường dùng	SĐK hoặc số GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
7	Quy tỳ an thần hoàn P/H	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đẳng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo).	1	0,65g + 0,65g + 0,6g + 0,72 + 0,32 + 0,16 + 0,26 + 0,35 + 0,32 + 0,6 + 0,25	Uống, viên hoàn mềm	VD-23919-15	Phúc Hưng	Việt Nam	Viên/9g	5.149	5.200	26.774.800
8	Colitis	Nha đam tử, Berberin clorid, cao Tỏi, cao khô Mộc hương, Cát căn	1	30 mg; 63 mg; 70 mg, 100mg, 100mg	Uống, viên bao phim	VD-19812-13	Công ty CP dược Danapha	Việt Nam	Viên	2.498	3.000	7.494.000
9	Tadimax	Trinh nữ hoàng cung, Tri mẫu, Hoàng bá, Ích mẫu, Đào nhân, Trạch tả, Xích thực, Nhục quế.	1	80mg + 666mg + 666mg + 666mg + 83mg + 830mg + 500mg + 8,3mg.	Uống, viên nén bao phim	VD-22742-15	Công ty cổ phần dược Danapha	Việt Nam	Viên	3.450	34.000	117.300.000
IV NHÓM THUỐC AN THẦN, ĐỊNH CHÍ, DƯỠNG TÂM												
10	Dưỡng Tâm An Thần	Hoài sơn, Liên nhục, Liên tâm, Lá dâu, Lá vông, Bá tử nhân, Toan táo nhân, Long nhãn.	1	183mg, 175mg, 200mg, 91,25mg, 91,25mg, 91,25mg, 91,25mg	Uống, viên bao phim	VD-16788-12	Công ty CP dược Danapha	Việt Nam	Viên	1.163	64.000	74.432.000
V NHÓM THUỐC CHỮA CÁC BỆNH VỀ PHẾ												
11	Thuốc ho P/H	Cao đặc Bách bộ, Cao đặc Cát cánh, Mạch môn, Trần bì, Cam thảo, Bối mẫu, Bạch quả, Hạnh nhân, Ma hoàng.	1	Mỗi 100ml cao lỏng chứa Cao đặc bách bộ (Tương đương 15g Bách bộ)2g Cao đặc cát cánh (Tương đương 10g Cát cánh) 1g Mạch môn 8g Trần bì 6g Cam thảo 4g Bối mẫu 4g Bạch quả 4g Hạnh nhân 4g Ma hoàng 6g	Cao lỏng	VD-25450-16	Phúc Hưng	Việt Nam	Chai/lọ	25.920	130	3.369.600
VI NHÓM THUỐC CHỮA CÁC BỆNH VỀ ÂM, VỀ HUYẾT												

TT	Tên thuốc	Thành phần thuốc	Nhóm	Nồng độ/ Hàm lượng	Dạng bào chế/ Đường dùng	SĐK hoặc số GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
12	Hoạt huyết thông mạch P/H	Bột Đương quy, Cao đặc các dược liệu(tương đương với Đương quy, Sinh địa, Xuyên khung, Ngưu tất, Ích mẫu, Đan sâm).	I	108,3mg + 175mg (391,7mg + 400mg + 400mg + 300mg + 200mg + 200mg).	Uống, viên nén bao đường	VD-24512-16	Phúc Hưng	Việt Nam	Viên	687	215.000	147.705.000
Tổng cộng: 12 khoản												616.129.400